BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2019/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2019*

VÀ PTNT HƯNG YÊN
ĐẾN Số: 3788
Ngày 29/7/2019
Chuyển PKH Cần chỉ đạo
Lưu hồ sơ số:

THÔNG TƯ

Quy định hoạt động đặc thù, chế độ báo cáo của hợp tác xã nông nghiệp và trách nhiệm quản lý nhà nước các cấp đối với hợp tác xã nông nghiệp

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định hoạt động đặc thù, chế độ báo cáo của hợp tác xã nông nghiệp và trách nhiệm quản lý nhà nước các cấp đối với hợp tác xã nông nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động đặc thù, chế độ báo cáo của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp (thủy sản), diêm nghiệp, thủy lợi, nước sạch nông thôn (sau đây gọi chung là hợp tác xã nông nghiệp) và trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp, ngành nông nghiệp (tỉnh, huyện, xã) đối với hợp tác xã nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hợp tác xã nông nghiệp quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp

1. Hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp quy định tại Thông tư này là những hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp; đại diện ký kết hợp đồng liên kết; tham gia cung cấp dịch vụ công ích do hợp tác xã nông nghiệp thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp của các thành viên và khách hàng không phải là thành viên hợp tác xã.

Căn cứ năng lực, điều kiện thực tế của hợp tác xã và nhu cầu của thị trường, hợp tác xã nông nghiệp lựa chọn và thực hiện các hoạt động đặc thù quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Tổ chức sản xuất và cung ứng tập trung các sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp của thành viên và khách hàng không phải thành viên hợp tác xã:

a) Đào tạo, tập huấn kỹ năng quản lý hợp tác xã và khuyến nông, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật;

b) Sản xuất và cung ứng vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; giống cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp khác); cung ứng dịch vụ (làm đất, thủy lợi, nước sạch nông thôn, bảo vệ thực vật, thú y, bảo vệ sản xuất);

c) Gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, đóng gói, hoàn thiện sản phẩm, quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

d) Tổ chức thực hiện và quản lý thống nhất quy trình sản xuất nông nghiệp đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm;

đ) Phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp;

e) Tuyên truyền, vận động và tổ chức cho các thành viên hợp tác xã tham gia bảo hiểm nông nghiệp;

g) Tổ chức các hoạt động mua chung, bán chung các dịch vụ, sản phẩm nông nghiệp;

h) Các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đại diện ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện liên kết với doanh nghiệp, các đối tác khác trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp nhằm tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên và khách hàng không phải là thành viên hợp tác xã với các hoạt động cụ thể như:

a) Ký và tổ chức thực hiện hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

b) Tổ chức quảng bá hoặc xây dựng nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp;

c) Tổ chức nghiên cứu thị trường, tiếp thị đối với các dịch vụ, sản phẩm nông nghiệp;

d) Thực hiện các dịch vụ khác trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.

4. Tham gia cung cấp dịch vụ công ích trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ở địa phương, bao gồm các hoạt động:

a) Tổ chức quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động công ích khi được nhà nước giao;

b) Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của hợp tác xã nông nghiệp trong tổ chức thực hiện các hoạt động đặc thù

1. Quy định các hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp vào Điều lệ của hợp tác xã.

2. Xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu sản xuất theo mùa vụ, quy mô sản xuất nông nghiệp hàng hóa, yêu cầu của thị trường, bảo đảm an toàn thực phẩm; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; có giải pháp phòng chống rủi ro, thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, tài nguyên, nguồn lợi tự nhiên ở địa phương.

3. Ứng dụng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất sản phẩm an toàn phù hợp với điều kiện của hợp tác xã, quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật và khuyến nông cho cán bộ, thành viên hợp tác xã và khách hàng không phải là thành viên hợp tác xã.

5. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý và huy động nguồn lực đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động đặc thù và phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

6. Thông tin, hướng dẫn các thành viên và tổ chức, cá nhân liên kết với hợp tác xã nông nghiệp tổ chức thực hiện có hiệu quả hợp đồng liên kết và phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

7. Tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh và tuân thủ các quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với tổ chức bảo hiểm nông nghiệp và các đối tác liên quan hỗ trợ thành viên hợp tác xã thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp tạo điều kiện cho việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp.

9. Thực hiện công khai, minh bạch trong hợp tác xã về giá dịch vụ, chủng loại, đối tượng phục vụ; xây dựng quy chế quản lý, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng tài sản Nhà nước giao theo quy định và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở cấp tỉnh, huyện, xã

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã triển khai thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn.

Điều 6. Chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp

1. Trách nhiệm báo cáo của hợp tác xã nông nghiệp

a) Nội dung báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước ngành nông nghiệp:

Tình hình hoạt động của năm trước đó theo Phụ lục I-19 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp của năm trước đó quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng 01 hàng năm.

c) Nơi gửi báo cáo:

Hợp tác xã nông nghiệp gửi báo cáo cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) và cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện nơi đặt trụ sở chính;

Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp (đơn vị đăng ký hoạt động ở cấp tỉnh) gửi báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính.

2. Trách nhiệm báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước ngành nông nghiệp

a) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) tổng hợp báo cáo hàng năm về hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp (theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo hàng năm về hoạt động đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp (theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện và kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện Thông tư, tổng hợp báo cáo Bộ định kỳ và đột xuất.

2. Các Tổng cục, Cục, Vụ chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

3. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Thông tư này tại địa phương.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2019.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định mới tại văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, hợp tác xã nông nghiệp, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ NN và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, KTHT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Thanh Nam

Phụ lục

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẶC THÙ CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP NĂM .....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2019/TT-BNNPTNT ngày 19 /7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẶC THÙ CỦA HỢP TÁC XÃ (HTX) NÔNG NGHIỆP

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 20....	Diễn giải
1	Áp dụng quy trình sản xuất chung của HTX	-	(Có/không)	-
2	Áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn quản lý chất lượng	-	(Có/không)	(Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn)
3	Áp dụng công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh	-	(Có/không)	(Tên công nghệ)
4	Sản phẩm có nhãn hiệu tập thể	-	(Có/không)	(Tên nhãn hiệu)
5	Tổ chức cho thành viên tham gia bảo hiểm nông nghiệp	-	(Có/không)	-
5.1	Số thành viên HTX tham gia bảo hiểm nông nghiệp	Thành viên		-
5.2	Số tiền thành viên và HTX mua bảo hiểm nông nghiệp	Tr. đồng		-
6	Tổ chức dịch vụ thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm	-	(Có/không)	(Tên dịch vụ)
7	Giá trị sản phẩm qua sơ chế, chế biến	Tr. đồng		-
	Tỷ lệ giá trị sản phẩm qua sơ chế, chế biến/tổng giá trị sản phẩm sản xuất của HTX và thành viên	%		-
8	Giá trị sản phẩm HTX tiêu thụ cho thành viên	Tr. đồng		-
	Tỷ lệ giá trị sản phẩm HTX tiêu thụ cho thành viên/tổng giá trị sản phẩm sản xuất của thành viên	%		-
	Tỷ lệ giá trị sản phẩm HTX tiêu thụ cho thành viên/tổng giá trị sản phẩm của HTX tiêu thụ	%		-
9	Giá trị sản phẩm nông nghiệp HTX tiêu thụ thông qua liên kết	Tr. đồng		-
	Tỷ lệ giá trị sản phẩm HTX tiêu thụ thông qua liên kết/tổng giá trị sản phẩm HTX tiêu thụ	%		-
10	Hoạt động công ích do HTX tổ chức thực hiện	-	(Có/ không)	(Tên hoạt động công ích)
10.1	Số khách hàng sử dụng dịch vụ công ích của HTX	Khách hàng		-
	Trong đó khách hàng là thành viên HTX	Thành viên		-
10.2	Tổng doanh thu từ dịch vụ công ích của HTX	Tr. đồng		-
	Trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ	Tr. đồng		-

Ghi chú: HTX điền số liệu vào các ô trống, các ô có chữ trong ngoặc đơn ghi theo hướng dẫn.